TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Dung

2. Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXX-ST ngày 23/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn với nhau do tự nguyện, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Cương, huyện An Dương năm 2014. Quá trình chung sống đôi bên xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra bất hòa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có ba chung là Nguyễn Hoàng Q sinh năm 2015, Nguyễn Tiến Đ sinh năm 2017 và Nguyễn Đỗ Anh D sinh năm 2022. Chị T có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đỗ Anh D, để cho anh L nuôi con Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Tiến Đ; không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn L; về con chung, giao con Nguyễn Đỗ Anh D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Tiến Đ cho anh L nuôi dưỡng; nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh L được Ủy ban nhân dân xã Đặng Cương, huyện An Dương cấp chứng nhận kết hôn số 45 ngày 15/9/2014 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên đã trầm trọng, thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có các con như chị T trình bày ở trên là đúng. Việc chị T nhận trách nhiệm nuôi con Nguyễn Đỗ Anh D, để cho anh L trực tiếp con Nguyễn Hoàng Q và Nguyễn Tiến Đ là tự nguyện, bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như nguyện vọng được ở với bố của các con nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao con Nguyễn Đỗ Anh D sinh ngày 19/4/2022 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Hoàng Q sinh ngày 30/01/2015 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 17/11/2017 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi. Các bên được quyền nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh L không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T, anh L không yêu cầu nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 8388 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Chị T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- UBND xã Đặng Cương, huyện An Dương (ĐKKH số 45/2014);
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng